

**NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG HUYỆN CON CUÔNG**

**BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ**  
**ĐÁNH GIÁ RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO**  
**(HCVF)**



**KA-GRIMEX**

**CON CUONG-FCG**

**Ban hành 2024**

**Cập nhật lần thứ 1: T9/2025**

**Con Cuông, 2025**

**NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG HUYỆN CON CUÔNG**

**BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ**  
**ĐÁNH GIÁ RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO**  
**(HCVF)**



**KA-GRIMEX**

**CON CUONG-FCG**

**Con Cuông, 2025**

**MỤC LỤC**

<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>I</b>
<b>DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT</b> .....	<b>III</b>
<b>I. Giới thiệu về nhóm chứng chỉ rừng huyện Con Cuông</b> .....	<b>1</b>
<b>II. Khái quát về bộ công cụ rừng có giá trị bảo tồn cao</b> .....	<b>2</b>
2.1. Khái niệm rừng có giá trị bảo tồn cao .....	2
2.2. Nguyên tắc về HCVF của FSC .....	2
2.3. Bộ công cụ.....	4
<b>III. Mục tiêu, nội dung và phương pháp đánh giá</b> .....	<b>4</b>
3.1. Mục tiêu.....	4
3.2. Nội dung đánh giá .....	4
3.3. Phương pháp đánh giá.....	5
<b>IV. Kết quả đánh giá</b> .....	<b>5</b>
4.1. HCV1.....	5
4.1.1. Các khu bảo vệ.....	5
4.1.2. Các loài bị đe dọa và nguy cấp.....	6
4.1.3. Loài đặc hữu .....	6
4.1.4. Công dụng quan trọng theo thời gian .....	6
4.2. HCV 2.....	7
4.2.1. Rừng này có phải là một phần của dải rừng liên tục không? .....	7
4.2.2. Toàn bộ khoảng rừng này phải đang trong điều kiện gần như nguyên vẹn?.....	7
4.2.3. Toàn bộ tập hợp rừng có rộng hơn 10.000 ha?.....	7
4.2.4. Có một quần thể loài trọng yếu nào ở đó không?.....	7
4.2.5. Khoảng rừng này có cắt ngang đường biên giới quốc tế không? .....	7
4.2.6. Có phải khu rừng đang được xem xét là một phần hoặc toàn bộ rừng cấp cảnh quan không? .....	7
4.2.7. Nếu là một phần của khu vực lớn hơn, nó chiếm tỷ lệ bao nhiêu % trong toàn bộ phân khu đó?.....	8
4.3. HCV 3.....	8
4.3.1. Có kiểu rừng nào liệt kê dưới đây được tìm thấy tại khu rừng này không? .....	8
4.3.2. Kiểu rừng này có đặc trưng cho khu vực không? .....	8
4.4. HCV 4.....	8
4.4.1. Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và điều tiết nguồn nước cho sinh hoạt và tưới tiêu.....	8
4.4.2. Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng chống sạt lở đất, lũ quét, xói mòn, gió bão, bồi lắng và phòng hộ ven biển? .....	9
4.5. HCV 5 .....	10
4.5.1. Có các cộng đồng sinh sống bên trong hoặc gần một khu rừng không? .....	10

4.5.2. Những cộng đồng này có sử dụng rừng để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của họ không? .....	10
4.5.3. Những nhu cầu cơ bản có là nền tảng đối với những cộng đồng địa phương không? .....	10
4.6. HCV 6 .....	10
4.6.1. Có cộng đồng nào sinh sống bên trong hoặc gần khu rừng hay không? .....	10
4.6.2. Những cộng đồng này có sử dụng rừng cho mục đích nhận dạng văn hoá của họ hay không? .....	10
4.6.3. Khu rừng này có vai trò quan trọng trong việc nhận dạng văn hóa hay không? .....	11
<b>V. Đề xuất các giải pháp nhằm bảo tồn đa dạng sinh học .....</b>	<b>11</b>
5.1. Bảo vệ lưu vực nước và chống xói mòn .....	11
5.2. Tuyên truyền, phối hợp với các đơn vị khác .....	11
5.3. Một số kiến nghị, giải pháp .....	11
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>13</b>
Phụ lục 1. Bảng câu hỏi phỏng vấn hộ gia đình .....	13
Phụ lục 2. Danh sách các hộ phỏng vấn .....	15
Phụ lục 3. Danh sách hộ dân tiến hành khảo sát hiện trường .....	16
Phụ lục 4. Một số hình ảnh .....	17

**Danh sách hộ dân tiến hành khảo sát hiện trường**  
**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

<b>Từ viết tắt</b>	<b>Diễn giải</b>
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
FSC	Hội đồng quản lý rừng (Forest Stewardship Council)
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
CCR	Chứng chỉ rừng
UBND	Ủy ban nhân dân
HCVF	Rừng có giá trị bảo tồn cao (High conservation value forest)
HCV	Giá trị bảo tồn cao (High conservation value)
VU	Loài ở mức độ sẽ nguy cấp (Vulnerable)
EN	Nguy cấp (Endangered)
CR	Cực kỳ nguy cấp (Critical Endangered)
SĐVN	Sách đỏ Việt Nam
IUCN	Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (The International Union for Conservation of Nature)

## I. Giới thiệu về nhóm chứng chỉ rừng huyện Con Cuông

Công ty CP Năng lượng xanh Ka-Grimex (gọi tắt là Ka-Grimex), đặt tại Khu Công nghiệp Tri Lễ, xã Yên Xuân, tỉnh Nghệ An được Nhóm cửa làm đại diện Quản lý Nhóm. Thời gian hoạt động dự kiến của Nhà máy này vào tháng 10 năm 2025, với các sản phẩm chính được sản xuất bao gồm dăm gỗ, viên nén gỗ, đồ gỗ xuất khẩu. Công suất của nhà máy là 150.000 tấn/năm. Hướng tới mục tiêu đưa sản phẩm gỗ đi vào thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản các nước khác và khai thác các lợi thế hiện có của địa phương. Do đó, Công ty Cổ phần Năng lượng xanh Ka-Grimex đã tiến hành đăng ký chứng nhận Quản lý rừng bền vững (FSC) cho các hộ dân trồng rừng trên địa bàn các xã Con Cuông, Mậu Thạch và Cam Phục.

Theo số liệu Báo cáo Hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp huyện Con Cuông năm 2023, tổng diện tích đất lâm nghiệp trên toàn Huyện là 162.721,4 ha. Trong đó, diện tích đất có rừng là 144.098,22 ha, rừng trồng của huyện Con Cuông (bao gồm diện tích đất có rừng và đất có rừng trồng chưa thành rừng) là 11.768,27 ha. Năm 2024 nhóm hộ CCR huyện Con Cuông đưa tổng diện tích 5,250.30 ha của các hộ dân đưa vào đánh giá cấp chứng chỉ rừng FSC. Mục tiêu quản lý rừng bền vững là nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả quản lý của chủ rừng đối với việc sử dụng tối đa khu rừng của mình. Phù hợp với Đề án tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; đạt được 3 mục tiêu chính: kinh tế, xã hội và môi trường; góp phần thực hiện Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050.

Lâm sản (Rừng trồng keo lai) chiếm một tỷ lệ lớn trong cơ cấu phát triển kinh tế tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên phương thức canh tác và hiệu quả kinh tế vẫn chưa đạt đến hiệu quả tối đa nhất. Do đó, Công ty CP Năng lượng xanh Ka-Grimex đã thực hiện chứng chỉ rừng, hướng dẫn người dân đăng ký và thực hành các giải pháp phát triển rừng bền vững tại 03 xã Con Cuông, Mậu Thạch và Cam Phục, tỉnh Nghệ An theo những nguyên tắc và tiêu chí của FSC.

Để chuẩn bị tốt việc lập kế hoạch quản lý rừng cho từng hộ gia đình, Nhóm CCR huyện Con Cuông cùng Trung tâm CORENARM, tiến hành tổ chức cuộc đánh giá **Rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF)** trên toàn bộ diện tích của hộ gia đình thành viên của Nhóm CCR huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

## II. Khái quát về bộ công cụ rừng có giá trị bảo tồn cao

### 2.1. Khái niệm rừng có giá trị bảo tồn cao

Khái niệm về “Rừng có giá trị bảo tồn cao” - HCVF được hình thành ban đầu trong bối cảnh Chứng chỉ rừng. Nguyên tắc 9 trong số các nguyên tắc Quản lý rừng bền vững của Hội đồng Quản trị rừng thế giới, được dùng để nhận biết riêng các loại rừng có giá trị bảo tồn cao và cần được bảo vệ đặc biệt, do một hoặc một số đặc trưng có liên quan đến thuộc tính của hệ sinh thái, các dịch vụ môi trường và các giá trị xã hội của chúng.

***Nguyên tắc 9 (FSC): Các giá trị bảo tồn cao***

***Chủ rừng phải duy trì và/hoặc cải thiện Các giá trị bảo tồn cao trong Đơn vị Quản lý thông qua việc áp dụng phương pháp tiếp cận phòng ngừa.***

9.1 Chủ rừng thông qua sự tham gia với các bên liên quan bị ảnh hưởng, các bên liên quan có quan tâm và các phương tiện, nguồn thông tin khác; phải đánh giá và báo cáo về sự xuất hiện và tình trạng của các giá trị bảo tồn cao có trong Đơn vị quản lý, tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các tác động của hoạt động quản lý và sự xuất hiện của Các giá trị bảo tồn cao.

9.2 Chủ rừng phải phát triển các chiến lược hữu hiệu để duy trì và/hoặc cải thiện các giá trị bảo tồn cao đã phát hiện thông qua sự tham gia với các bên liên quan bị ảnh hưởng, các bên liên quan có quan tâm, và các chuyên gia.

9.3 Chủ rừng phải thực hiện các chiến lược và hoạt động duy trì và/ hoặc cải thiện các giá trị bảo tồn cao đã được xác định. Các chiến lược và hoạt động này phải thực hiện tiếp cận phòng ngừa và tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý.

9.4 Chủ rừng phải chứng minh rằng thực hiện việc theo dõi định kỳ để đánh giá sự thay đổi về tình trạng của các giá trị bảo tồn cao. Và phải điều chỉnh thích ứng chiến lược quản lý của mình nhằm đảm bảo sự bảo vệ hiệu quả các giá trị đó. Việc giám sát phải tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro của các hoạt động quản lý và phải có sự tham gia của các bên liên quan bị ảnh hưởng và các bên liên quan có quan tâm và các chuyên gia.

### 2.2. Nguyên tắc về HCVF của FSC

Nhằm đưa ra những hướng dẫn chi tiết hơn cho các nhà quản lý rừng, FSC đi xa hơn trong việc định nghĩa Rừng có giá trị bảo tồn cao như là những loại rừng có một hay nhiều thuộc tính sau:

- HCV 1: Đa dạng loài. Rừng chứa đựng các giá trị đa dạng sinh học như các loài các loài đặc hữu, quý hiếm bị đe dọa hoặc nguy cấp có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu.

- HCV 2: Hệ sinh thái cấp cảnh quan và sinh thái khảm. Cảnh quan rừng còn nguyên vẹn và các hệ sinh thái cấp sinh cảnh lớn, hệ sinh thái khảm có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu có các quần thể sống của hầu hết các loài xuất hiện tự nhiên theo kiểu phân bố và độ phong phú tự nhiên.

- HCV 3: Các hệ sinh thái và sinh cảnh. Các hệ sinh thái, sinh cảnh hoặc nơi ẩn náu của các loài hiếm, bị đe dọa, hoặc nguy cấp.

- HCV 4: Dịch vụ hệ sinh thái xung yếu. Dịch vụ hệ sinh thái cơ bản trong các tình huống xung yếu, bao gồm khu vực bảo vệ của đầu nguồn nước và kiểm soát xói mòn đất và những vùng đất dốc dễ bị tổn thương.

- HCV 5: Các nhu cầu của cộng đồng. Các địa điểm và tài nguyên cơ bản để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương hoặc người dân tộc (về sinh kế, sức khỏe, dinh dưỡng, nước, v.v.), được xác định thông qua sự tham gia với cộng đồng hoặc người dân tộc.

- HCV 6: Các giá trị văn hóa. Các địa điểm, tài nguyên, sinh cảnh và cảnh quan có ý nghĩa quốc gia hoặc toàn cầu về văn hóa, khảo cổ học hoặc lịch sử, và/hoặc có tầm quan trọng đối với các nền văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương hoặc người dân bản địa, được xác định thông qua sự tham gia với cộng đồng địa phương hoặc người dân tộc.

Khái niệm về HCV tổng quát hơn nên khó định nghĩa hơn. HCV không liên quan đến việc bảo tồn một loài quý hiếm đơn lẻ hay các quyền của cộng đồng v.v. Chính vì vậy, một khu rừng được coi là một HCV nếu nó chứa đựng **một hay nhiều** giá trị được nêu ở trên. Vấn đề mấu chốt ở đây chính là quan niệm về các giá trị.

Các giá trị có liên quan nhiều hơn đến chức năng của một khu rừng ở quy mô quốc gia, khu vực hay toàn cầu. Đó có thể là những chức năng rõ ràng như phòng hộ đầu nguồn hoặc duy trì nguồn thực phẩm cho người dân địa phương. Tuy nhiên nó cũng bao gồm những yếu tố mang tính tự có hơn như: một quần thể loài đặc hữu có thể không có giá trị kinh tế rõ ràng nhưng có tầm quan trọng trong việc duy trì tính đa dạng của sự sống. Mục tiêu của hoạt động quản lý phải duy trì hoặc tăng cường giá trị chứ không phải để bảo toàn nó.

Các ý tưởng được đưa ra trong HCVF không phải là mới. Có nhiều công cụ khác được dùng để xếp hạng ưu tiên nhất theo mức độ quan trọng về bảo tồn hoặc xã hội, nhưng một trong những lý do HCVF trở nên phổ biến chính là vì nó kết hợp cả yếu tố môi trường lẫn xã hội trong một khái niệm tương đối giản đơn.

### **2.3. Bộ công cụ**

Bộ công cụ HCVF Việt Nam được thiết kế để áp dụng cho một khu vực cảnh quan hoặc khu rừng bất kỳ ở Việt Nam, dựa trên hiện trạng sinh học và xã hội mà không bị giới hạn bởi thang phân loại đất hiện nay. Nó có thể được áp dụng cho các loại rừng khác nhau (rừng sản xuất, phòng hộ và đặc dụng) với quy mô bất kỳ, bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Giới thiệu giá trị bảo tồn cao (HCV) và rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF)
- Xác định các HCV
- Quản lý các HCV
- Giám sát các HCV

Giai đoạn đầu trong bất kỳ một phân tích HCV nào cũng phải xác định được quy mô công việc. Trong trường hợp này bộ công cụ được sử dụng để xác định HCV trong một Nhóm CCR huyện Con Cuông (sau đây được gọi tắt là Nhóm) cho mục đích của Nguyên tắc FSC thứ 9 thì nhiệm vụ này tương đối dễ dàng. Quy mô đánh giá là Nhóm khu vực tiếp giáp và các cộng đồng sinh sống trong các khu vực kế cận. Bước đánh giá sẽ xác định các giá trị bảo tồn cao nào hiện hữu tại rừng của nhóm nhằm lồng ghép quản lý các HCV này vào kế hoạch và hoạt động quản lý rừng tổng thể.

## **III. Mục tiêu, nội dung và phương pháp đánh giá**

### **3.1. Mục tiêu**

- Điều tra đánh giá được đặc điểm các loài động thực vật quý hiếm, đặc hữu cũng như các hệ sinh thái có giá trị bảo tồn cao trong địa bàn của nhóm CCR huyện Con Cuông.
- Đánh giá các giá trị tài nguyên, phân bố động, thực vật trong các hệ sinh cảnh của nhóm CCR huyện Con Cuông.
- Đánh giá được các giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc sinh sống trong khu vực trong mối quan hệ với tài nguyên rừng.
- Xác định vùng rừng có giá trị bảo tồn cao để đề xuất biện pháp quản lý bền vững các khu rừng có giá trị bảo tồn cao.

### **3.2. Nội dung đánh giá**

- Xác định rừng có hay không có các giá trị đa dạng loài có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu (HCV1);

- Xác định rừng có hay không có các cảnh quan rừng còn nguyên vẹn và các hệ sinh thái, hệ sinh thái khảm có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu, thuộc đơn vị quản lý rừng (HCV2);

- Xác định rừng có hay không có các hệ sinh thái, sinh cảnh hoặc nơi ẩn náu của các loài hiếm, bị đe dọa, hoặc nguy cấp (HCV3);

- Xác định rừng có hay không có việc cung cấp các dịch vụ sinh thái cơ bản như: rừng phòng hộ đầu nguồn, chống xói mòn, cung cấp nước,...(HCV4);

- Xác định rừng có hay không có việc cung cấp nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương như (sinh kế, sức khỏe, dinh dưỡng, nước,...) (HCV5);

- Xác định rừng có chứa các khu rừng có ý nghĩa văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo đối với cộng đồng địa phương (HCV6).

### 3.3. Phương pháp đánh giá

- Thu thập số liệu thứ cấp như báo cáo, bản đồ hiện trạng rừng.

- Phỏng vấn người dân thông qua bảng hỏi được soạn sẵn (Phụ lục 1).

- Phương pháp quan sát thực địa theo tuyến điển hình.

- Xác định đơn vị hệ sinh thái theo Thái Văn Trùng (Các hệ sinh thái rừng Việt Nam, 1998), trong đó đặc biệt chú ý tới các hệ sinh thái hiếm, đang bị đe dọa hoặc nguy cấp theo đề xuất của FSC (Hướng dẫn đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao, 2008).

## IV. Kết quả đánh giá

### 4.1. HCV1

#### 4.1.1. Các khu bảo vệ.

4.1.1.1. Khu rừng này có phải là một khu bảo tồn hiện có hay đề xuất không?

**KHÔNG.** Toàn bộ diện tích rừng thuộc Nhóm quản lý là rừng trồng sản xuất, thuần loài keo lai của các hộ gia đình.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

4.1.1.2. Khu rừng này có liền kề khu bảo tồn không?

**KHÔNG.**

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

4.1.1.3. Khu rừng này có tính chất, đặc điểm tương tự như khu rừng đặc dụng liền kề không?

**KHÔNG.** Toàn bộ diện tích rừng thuộc Nhóm quản lý là rừng trồng sản xuất, thuần loài keo lai của các hộ gia đình.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

#### 4.1.2. Các loài bị đe dọa và nguy cấp

4.1.2.1. Có nhiều loài được liệt kê trong danh sách các loài bị đe dọa và nguy cấp của Việt Nam được tìm thấy trong khu rừng này không?

**KHÔNG.** Đối với diện tích rừng trồng thuần loài Keo, tính đa dạng sinh học không cao, những loài bị đe dọa, nguy cấp không thấy xuất hiện trong rừng trồng của Nhóm.

4.1.2.2. Tại thời điểm này, khu rừng có được đánh giá là có tầm quan trọng đa dạng sinh học không?

**KHÔNG.** Đối với diện tích rừng trồng của Nhóm là rừng trồng đã kinh doanh nhiều chu kỳ. Bởi vậy, tại thời điểm này, khu rừng không được đánh giá là có tầm quan trọng về đa dạng sinh học.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

4.1.2.3. Rừng này nằm trong khu vực trước đây được ghi nhận là có tầm quan trọng đa dạng sinh học không?

**KHÔNG.** Đối với diện tích rừng trồng của Nhóm là rừng trồng đã kinh doanh nhiều chu kỳ. Bởi vậy, tại thời điểm này, khu rừng không được đánh giá là có tầm quan trọng về đa dạng sinh học.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

#### 4.1.3. Loài đặc hữu

4.1.3.1. Có một loài đặc hữu hoặc cận đặc hữu được ghi nhận ở khu rừng này không?

**KHÔNG**

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

4.1.3.2. Khu rừng này có nằm trong khu vực trước đây được nhận biết là có tính đặc hữu cao không?

**KHÔNG**

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

#### 4.1.4. Công dụng quan trọng theo thời gian

4.1.4.1. Có các nguồn thức ăn/ khu đất ngập nước/các quần xã di cư hiện hữu trong khu rừng này vào một số thời điểm hay thời gian nào không?

**KHÔNG.**

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

4.1.4.2. Có phải nguồn tài nguyên rất quan trọng đối với sự tồn tại của quần thể hay quần xã sinh học không?

**KHÔNG.**

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

4.1.4.3. Khu vực này có phải nằm trong khu vực được đề xuất các phân hạng khác như đất ngập nước, khu bảo tồn biển hay hệ thống khu bảo tồn hay không?

**KHÔNG.**

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU.**

## 4.2. HCV 2

4.2.1. Rừng này có phải là một phần của dải rừng liên tục không?

**KHÔNG.** Rừng của nhóm gồm những mảnh rừng trồng kinh tế nhỏ, tách biệt thuộc sở hữu của các thành viên.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

4.2.2. Toàn bộ khoảng rừng này phải đang trong điều kiện gần như nguyên vẹn?

**KHÔNG.** Rừng của nhóm gồm những mảnh rừng trồng kinh tế nhỏ, tách biệt thuộc sở hữu của các thành viên.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

4.2.3. Toàn bộ tập hợp rừng có rộng hơn 10.000 ha?

**KHÔNG.** Tổng diện tích của Nhóm là 5.304,65 trong đó phân bố rải rác trên địa bàn huyện Con Cuông.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

4.2.4. Có một quần thể loài trọng yếu nào ở đó không?

**KHÔNG.**

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

4.2.5. Khoảng rừng này có cắt ngang đường biên giới quốc tế không?

**KHÔNG.** Rừng của Nhóm cách xa đường biên giới Việt Nam và Lào.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

4.2.6. Có phải khu rừng đang được xem xét là một phần hoặc toàn bộ rừng cấp cảnh quan không?

**KHÔNG.**

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

**4.2.7. Nếu là một phần của khu vực lớn hơn, nó chiếm tỷ lệ bao nhiêu % trong toàn bộ phân khu đó?**

**KHÔNG.**

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

#### **4.3. HCV 3**

**4.3.1. Có kiểu rừng nào liệt kê dưới đây được tìm thấy tại khu rừng này không?**

1. Rừng lá kim thuần loài tự nhiên
2. Rừng hỗn giao lá rộng lá kim tự nhiên
3. Rừng trên núi đá vôi
4. Hệ sinh thái đất ngập nước, đầm lầy nước ngọt
5. Rừng ngập mặn
6. Rừng thường xanh trên vùng đất thấp
7. Rừng khộp
8. Rừng bán thường xanh (nửa rụng lá)
9. Rừng chuyển tiếp rừng thường xanh và rừng bán thường xanh
10. Rừng lùn trên đỉnh núi
11. Rủ gai hoặc chuông gai khô hạn
12. Rừng rêu

**KHÔNG.** Diện tích của Nhóm bao gồm rừng trồng thuần loài keo.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

**4.3.2. Kiểu rừng này có đặc trưng cho khu vực không?**

**KHÔNG.** Rừng của Nhóm là rừng trồng thuần loài keo rất phổ biến ở Việt Nam, chính vì vậy các diện tích rừng của Nhóm không có tính đại diện hay đặc thù.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

#### **4.4. HCV 4**

**4.4.1. Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và điều tiết nguồn nước cho sinh hoạt và tưới tiêu.**

4.4.1.1. Khu vực này có được xác định là rừng phòng hộ ở Việt Nam hay không?

**KHÔNG.** Diện tích rừng của nhóm là diện tích rừng trồng thuộc quyền sử dụng hoặc được giao cho các hộ dân trồng rừng sản xuất. Do đó, khu vực rừng của nhóm không có rừng phòng hộ.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

4.4.1.2. Có tiểu khu nào trong phạm vi của lâm trường/công ty lâm nghiệp được quy định là rừng phòng hộ không?

**KHÔNG**

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

4.4.1.3. Thôn/làng hoặc cộng đồng sinh sống gần khu rừng có sử dụng trên 90% nhu cầu nước cho sinh hoạt, tưới tiêu từ một hoặc vài nguồn trong khu rừng hay không?

**KHÔNG.**

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

**4.4.2. Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng chống sạt lở đất, lũ quét, xói mòn, gió bão, bồi lắng và phòng hộ ven biển?**

4.4.2.1. Diện tích rừng có được cộng đồng quy định là rừng phòng hộ hoặc được cộng đồng bảo vệ hay không?

**KHÔNG.** Diện tích rừng của nhóm là diện tích rừng trồng thuộc quyền sử dụng hoặc được giao cho các hộ dân trồng rừng sản xuất, có chu kỳ ngắn từ 4-5 năm. Do đó, khu vực rừng của nhóm không có rừng phòng hộ.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

4.4.2.2. Diện tích rừng này có nằm trong khu vực hay xảy ra thiên tai (lũ, lũ quét, sạt lở đất, bão, sóng biển dâng, cát bay, ...) không?

**CÓ.** Khu vực miền Trung Việt Nam là nơi thường xuyên xảy ra thiên tai như bão, lũ, cháy rừng. Tuy nhiên, rừng trồng của Nhóm có chu kỳ ngắn 4-5 năm, chỉ đóng vai trò thứ yếu trong việc đối phó với thiên tai cũng như biến đổi khí hậu.

Giá trị này **CÓ HIỆN HỮU**

4.4.2.3. Thiên tai xảy ra tại khu vực có diện tích rừng có nghiêm trọng không?

**CÓ.** Theo người dân địa phương trong khu vực thiên tai thường xảy ra như bão và cháy rừng tương đối nghiêm trọng gây cản trở giao thông, phá hoại mùa màng, nhà cửa và các tài sản khác. Tuy nhiên rừng của Nhóm nằm ở khu vực không phải đầu nguồn của các sông suối lớn trong khu vực chỉ có một vài diện tích nhỏ lẻ bị ảnh hưởng nhưng không nghiêm trọng. Cần chú ý, các khu vực ven hồ, đập, ven suối nhằm quy hoạch có một vành đai đủ rộng để hỗ trợ cho việc bảo vệ nguồn nước.

Giá trị này **CÓ HIỆN HỮU**

**Kết luận: Giá trị này KHÔNG HIỆN HỮU vì rừng trồng của nhóm là rừng trồng thuần loài keo lai, chu kỳ ngắn 5 năm. Do đó, rừng trồng của Nhóm không đóng vai trò quan**

*trọng trong việc phòng chống sạt lở đất, lũ quét, xói mòn, gió bão, bồi lắng và phòng hộ ven biển*

#### 4.5. HCV 5

##### 4.5.1. Có các cộng đồng sinh sống bên trong hoặc gần một khu rừng không?

**KHÔNG.** Các hộ dân tập trung sinh sống tại các khu vực thuận tiện giao thông, gần các trung tâm, trường học, chợ... Sinh kế của người dân địa phương chủ yếu dựa vào nông nghiệp (trồng chè, lúa, hoa màu), trồng rừng sản xuất và kinh doanh, buôn bán. Do đó, các hộ dân hầu hết sống xa các khu rừng.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

##### 4.5.2. Những cộng đồng này có sử dụng rừng để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của họ không?

**KHÔNG.** Nhu cầu cơ bản của cộng đồng phụ thuộc vào nhiều nguồn khác nhau như các sản phẩm từ ruộng nước, hoa màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm, chè trong đó có trồng rừng kinh tế,... nhưng không phụ thuộc nhiều vào rừng.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

##### 4.5.3. Những nhu cầu cơ bản có là nền tảng đối với những cộng đồng địa phương không?

**KHÔNG.** Như đã nói ở trên, những nhu cầu cơ bản của người dân ít phụ thuộc vào rừng của Nhóm. Tuy nhiên, có một số nhóm hộ gia đình nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng từ một số diện tích rừng của Nhóm. Nguồn thu nhập này là từ các hoạt động sản xuất, không phải là từ tài nguyên rừng tự nhiên.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

#### 4.6. HCV 6

##### 4.6.1. Có cộng đồng nào sinh sống bên trong hoặc gần khu rừng hay không?

**KHÔNG.** Nhà dân và ranh giới rừng trồng của các thành viên Nhóm hộ đều rõ ràng. Không có hộ dân hay cộng đồng nào sinh sống bên trong hoặc gần khu rừng.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

##### 4.6.2. Những cộng đồng này có sử dụng rừng cho mục đích nhận dạng văn hoá của họ hay không?

**KHÔNG.** Các hoạt động văn hóa truyền thống đặc trưng của người dân tộc khác trong khu vực là rất phổ biến và không có nhiều khác biệt với người Kinh sinh sống ở các tỉnh miền Trung. Một số người dân tộc Thái ở gần rừng của nhóm cũng có nét sinh hoạt,

văn hoá bị ảnh hưởng nhiều bởi người kinh. Rừng trồng chủ yếu để sản xuất tạo sinh kế chứ không dùng cho bất kỳ mục đích văn hoá nào.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

**4.6.3. Khu rừng này có vai trò quan trọng trong việc nhận dạng văn hóa hay không?**

**KHÔNG.**

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**

## **V. Đề xuất các giải pháp nhằm bảo tồn đa dạng sinh học**

### **5.1. Bảo vệ lưu vực nước và chống xói mòn**

- Hạn chế thấp nhất về việc đốt rừng sau khai thác, đặc biệt đối với các lô rừng nằm ở vị trí đất dốc.

- Tập huấn kỹ thuật khai thác tác động thấp cho các đối tác khai thác rừng.

- Thiết lập các vùng đệm, hành lang ven sông, suối, ao hồ:

+ Không thiết kế khai thác ven suối và hồ, đập ít nhất 10 – 50 m tùy vào kích thước sông suối để đảm bảo không ảnh hưởng đến dòng chảy.

+ Trồng cây bổ sung các vành đai ven suối, hồ, đập bằng các loài cây bản địa gồm: Lát hoa, Giỏi, Sấu, Trám, ....

+ Xây dựng các lớp tập huấn cho các hộ gia đình có diện tích rừng gần và ven sông suối, ao hồ nhằm nâng cao nhận thức về môi trường.

### **5.2. Tuyên truyền, phối hợp với các đơn vị khác**

- Truyền thông các biện pháp phòng cháy chữa cháy rừng, bảo vệ rừng cho các phân nhóm xã.

- Tuyên truyền bảo vệ các loài động vật, thực vật nguy cấp và bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước.

### **5.3. Một số kiến nghị, giải pháp**

- Phối hợp với Kiểm lâm địa bàn, các trạm Kiểm lâm của huyện, chính quyền địa phương các xã trong quản lý về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ các loài động vật hoang dã định kỳ hằng năm.

- Giám sát các hoạt động sản xuất từ các khâu chuẩn bị mặt bằng, làm đất, chăm sóc rừng, khai thác,... ít ảnh hưởng tới đa dạng sinh học và các loài quý hiếm.



- Trong quá trình giám sát nếu phát hiện rừng của nhóm xuất hiện các giá trị bảo tồn cao, nhóm cần cập nhật vào kết quả giám sát và xây dựng kế hoạch giám sát riêng đối với việc quản lý và bảo vệ các giá trị này.

*Nghệ An, Ngày 01 Tháng 09 Năm 2025*

**PHỤ LỤC****Phụ lục 1. Bảng câu hỏi phỏng vấn hộ gia đình****Rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF) tại Con Cuông, tỉnh Nghệ An****A. THÔNG TIN CHUNG**

Tên chủ hộ: .....

Tên Thôn/bản.....Xã/phường .....

Thời gian phỏng vấn.....Người phỏng vấn .....

Thành phần dân tộc:  Kinh  Dân tộc thiểu số

Diện tích đăng ký thực hiện chứng chỉ.....Đã có sổ đỏ .....

Rừng được trồng năm nào .....Loài cây .....

Mật độ trồng .....

**B. CÁC GIÁ TRỊ SINH THÁI**

Rừng của ông/bà có được chuyển đổi từ rừng tự nhiên không .....

Năm chuyển đổi..... Loại rừng trước khi chuyển đổi (PH/ĐD/SX) .....

Rừng của ông/bà có liên hệ với rừng đặc dụng/khu bảo tồn? .....

Có tiếp giáp với rừng Phòng hộ/tự nhiên xung quanh không?.....

Rừng của ông/bà có cắt ngang hay gần đường biên giới không?.....

Liệt kê các loài động, thực vật có gặp trong và gần các khu rừng trồng keo:

Các loài động vật quý hiếm .....

Các loài thực vật quý hiếm .....

Các loài cây trồng và cây bản địa .....

Các loài lâm sản ngoài gỗ. ....

Các loài thủy sản thường gặp .....

Rừng ông/bà có hoặc tiếp giáp với hồ/đập/sông/suối nào không.....

Tại khu vực kể trên có xuất hiện những loài di cư nào không .....

Thời gian di cư.....



C. CÁC GIÁ TRỊ XÃ HỘI

Có khu rừng cộng đồng nào xung quanh không? .....

Ông/bà có sử dụng nguồn nước tự nhiên từ rừng không.....

Bao nhiêu % cho sinh hoạt ..... Bao nhiêu % cho tưới tiêu.....

Khu vực này có hay xảy ra thiên tai hay không (bão/lụt/cháy rừng) .....

Thiên tai xảy ra có nghiêm trọng không.....

.....

Khu rừng có đền thờ/miếu/mồ mả/di tích không .....

Các khu vực này có giá trị nhận diện văn hoá không.....

-----XIN CẢM ƠN ÔNG/BÀ ĐÃ HỢP TÁC-----

**Phụ lục 2: Danh sách hộ phỏng vấn**

<b>TT</b>	<b>Họ và Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
1	Vi Văn Hiếu	Bá Hạ - Mậu Thạch
2	Lương Công Luận	Kẻ Tắt – Mậu Thạch
3	Lô Thị Thuyền	Kẻ Trắng – Mậu Thạch
4	Lê Viết Dũng	Kẻ Mẻ - Mậu Thạch
5	Lang Thị Hồng	Bản Phục – Cam Phục
6	Lương Thị Thân	Bản Phục – Cam Phục
7	Lữ Trần Xuân	Bản Phục – Cam Phục
8	Lộc Văn Ngọ	Bản Đình – Con Cuông
9	Quang Thị Hằng	Tiến Thành – Con Cuông
10	Cao Thị Lý	Tiến Thành – Con Cuông
11	Lô Văn Hội	Khe Rạn – Con Cuông
12	Hà Thị Đào	Nam Sơn – Con Cuông
13	Lô Thị Tuyết	Chăn Năn – Con Cuông
14	Nguyễn Viết Hùng	Quyết Tiến – Con Cuông
15	Nguyễn Thế Thanh	Quyết Tiến – Con Cuông
16	Hà Thị Hường	Thanh Đào – Con Cuông
17	Quang Văn Mừng	Thanh Đào - Con Cuông
18	Trần Thị Hương	Tân Hòa – Con Cuông
19	Lô Văn Hùng	Thủy Khê – Con Cuông
20	Vy Hải Lý	Kẻ Trai – Mậu Thạch
21	Lang Thị Thủy	Kẻ Trắng – Mậu Thạch
22	Vi Thị Hữu	Kẻ Trai – Mậu Thạch
23	Vi Văn Hải	Kẻ Tre – Mậu Thạch
24	Lê Thị Huệ	Kẻ Sùng – Mậu Thạch

**Phụ lục 3. Danh sách hộ dân tiên hành khảo sát hiện trường**

<b>TT</b>	<b>Họ và Tên chủ rừng</b>	<b>Năm trồng</b>	<b>Địa điểm</b>
1	Lê Viết Duyên	2021	Nà Đười – Mậu Thạch
2	Lang Văn Điền	2021	Kẻ Nóc – Mậu Thạch
3	Ngân Văn Thái	2021	Chòm Bỏi – Mậu Thạch
4	Lang Thị Lý	2020	Kẻ Nóc – Mậu Thạch
5	Lương Văn Diêu	2021	Kẻ Tre – Mậu Thạch
6	Biện Hữu Giáp	2021	Kẻ Trai – Mậu Thạch
7	Lang Văn Mùi	2021	Đồng Tâm – Mậu Thạch
8	Trần Văn Long	2021	Thanh Nam – Con Cuông
9	Nguyễn Văn Khai	2020	Thanh Đào – Con Cuông
10	Lê Hồng Tâm	2020	Tân Hòa – Con Cuông
11	Vy Thị Hùng	2021	Tiến Thành – Con Cuông
12	Hà Thị Hoa	2020	Chăn Năn – Con Cuông
13	Lương Văn Kiểu	2021	Liên Đình – Con Cuông
14	Vi Ngọc Phôn	2020	Hợp Thành – Cam Phục
15	Lương Chính Mây	2020	Bản Phục – Cam Phục
16	Trần Quang Nhân	2020	Bản Phục – Cam Phục
17	Vi Văn Miêu	2021	Hồng Điện – Cam Phục

*Phụ lục 4. Một số hình ảnh*



**Tập huấn về Bộ tiêu chuẩn FSC và Thảo luận về các tác động Môi trường – Xã hội do hoạt động SXLN gây ra**



**Phổ biến quy trình giám sát cho các trưởng bản**



**Tập huấn Giám sát và Thực hành Giám sát cùng Ban Đại diện Nhóm CCR và trưởng bản**

### Phôi hợp với kiểm lâm địa phương và các bên liên quan



**Một số điểm chưa tuân thủ khi giám sát các lô rừng tại Nhóm CCR Con Cuông**

